

**4. Tên thủ tục: Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài)**

**1.1. Trình tự thực hiện:**

a) Tổ chức cộng đồng gửi hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh; địa chỉ: Đường Nguyễn Bắc, phường Ninh Khánh, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

b) Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm PVHCC của tỉnh sẽ kiểm tra thành phần hồ sơ và trả lời ngay khi Tổ chức cộng đồng đến nộp hồ sơ;

c) Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng: Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, bộ phận tiếp nhận tại Trung tâm PVHCC tỉnh sẽ xem xét tính đầy đủ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định sẽ thông báo cho tổ chức, cá nhân biết để bổ sung;

d) Trình tự cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản: Cơ sở sản xuất gửi hồ sơ đến Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền thẩm định nội dung hồ sơ, nếu hồ sơ đạt yêu cầu thực hiện kiểm tra điều kiện của cơ sở sản xuất và lập biên bản kiểm tra theo Mẫu số 13.NT Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP. Trường hợp cơ sở không đáp ứng điều kiện, cơ sở thực hiện khắc phục, sau khi khắc phục có văn bản thông báo đến cơ quan có thẩm quyền để tổ chức kiểm tra nội dung đã khắc phục. Trường hợp kết quả kiểm tra điều kiện cơ sở đạt yêu cầu, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản theo Mẫu số 14.NT Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

đ) Trình tự cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản: Cơ sở sản xuất gửi hồ sơ đến Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản theo Mẫu số 14.NT Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP. Trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

e) Nội dung kiểm tra điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản như sau:

- Kiểm tra hồ sơ đăng ký cấp, Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản;

- Kiểm tra thực tế về điều kiện cơ sở tại địa điểm sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản;

- Kiểm tra về việc thực hiện nghĩa vụ trong sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản theo khoản 1 Điều 37 Luật Thủy sản.

g) Thời gian kiểm tra duy trì điều kiện cơ sở sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản là 12 tháng. Trường hợp cơ sở đã được tổ chức đánh giá, cấp giấy chứng nhận hệ thống phù hợp tiêu chuẩn, thời gian kiểm tra duy trì điều kiện là 24 tháng.

**1.2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại nơi nhận hồ sơ hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng (nếu có).

**1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

1.3.1. Thành phần hồ sơ:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất theo Mẫu số 11.NT Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP (đối với trường hợp Giấy chứng nhận và trường hợp cấp lại);

b) Bản thuyết minh điều kiện cơ sở sản xuất theo Mẫu số 12.NT ban hành kèm theo Phụ lục III Nghị định số 26/2019/NĐ-CP (đối với trường hợp Giấy chứng nhận).

c) Tài liệu chứng minh nội dung thay đổi đối với trường hợp thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân trong Giấy chứng nhận (đối với trường hợp đề nghị cấp lại).

d) Bản chính Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản đã được cấp, trừ trường hợp Giấy chứng nhận bị mất (đối với trường hợp đề nghị cấp lại).

1.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**1.4. Thời hạn giải quyết:** 10 ngày làm việc đối với trường hợp cấp mới; 03 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại.

**1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh.

**1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản theo Mẫu số 14.NT Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP.

**1.8. Phí, lệ phí (nếu có):** Phí thẩm định kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thủy sản (Thẩm định kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản đối với cơ sở sản xuất): 5.700.000 đồng/lần (chưa bao gồm chi phí đi lại của đoàn đánh giá. Chi phí đi lại do tổ chức, cá nhân đề nghị thẩm định chi trả theo thực tế, phù hợp với quy định)

**1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất theo Mẫu số 11.NT Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP;

b) Bản thuyết minh điều kiện cơ sở sản xuất theo Mẫu số 12.NT ban hành kèm theo Phụ lục III Nghị định số 26/2019/NĐ-CP.

**1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không

**1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

a) Luật Thủy sản năm 2017;

b) Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;

c) Thông tư số 112/2021/TT-BTC ngày 15/12/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực quản lý nuôi trồng thủy sản.

TÊN CƠ SỞ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT**  
**Thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản**

Kính gửi: .....

1. Tên cơ sở: .....

- Địa chỉ: .....

- Số điện thoại: ..... Số Fax: ..... E-mail: .....

2. Lĩnh vực công nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản:

**Thức ăn thủy sản**- Thức ăn hỗn hợp - Thức ăn bổ sung - Nguyên liệu - Sản phẩm khác **Sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản**- Chế phẩm sinh học - Hóa chất xử lý môi trường - Hỗn hợp khoáng, vitamin, ... - Nguyên liệu 

3. Hồ sơ và tài liệu kèm theo giấy này, gồm:

.....

4. Đăng ký cấp lần đầu:  Đăng ký cấp lại: 

Chúng tôi cam kết thực hiện các quy định về điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản.

....., ngày .... tháng..... năm 20...

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**

*(Ký tên, đóng dấu)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

**BẢN THUYẾT MINH ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ SẢN XUẤT**  
**Thực ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản**  
*(Kèm theo đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện  
sản xuất thực ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản  
số .....ngày ....tháng .....năm.....)*

---

1. Tên cơ sở:

- Địa chỉ sản xuất:

- Số điện thoại: ..... Số fax:..... E-mail: .....

2. Sản phẩm dự kiến sản xuất:

3. Giấy chứng nhận hệ thống phù hợp tiêu chuẩn (kèm theo bản sao có xác nhận của cơ sở)

- |   |                             |                                   |
|---|-----------------------------|-----------------------------------|
| - Thực hành sản xuất tốt (GMP)                                  | Có <input type="checkbox"/> | Không<br><input type="checkbox"/> |
| - Hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn (HACCP) | Có <input type="checkbox"/> | Không<br><input type="checkbox"/> |
| - Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm (ISO 22000)                | Có <input type="checkbox"/> | Không<br><input type="checkbox"/> |
| - Hệ thống quản lý chất lượng (ISO 9001)                        | Có <input type="checkbox"/> | Không<br><input type="checkbox"/> |
| - Hệ thống khác: .....  | Có <input type="checkbox"/> | Không<br><input type="checkbox"/> |

4. Thuyết minh chi tiết điều kiện sản xuất thực ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản

a) Địa điểm sản xuất:

b) Nhà xưởng, trang thiết bị

c) Phân tích chất lượng trong quá trình sản xuất:

d) Hệ thống kiểm soát chất lượng, an toàn sinh học:

đ) Nhân viên kỹ thuật:

- e) Tài liệu gửi kèm theo thuyết minh gồm:
- g) Danh sách sản phẩm kèm theo:

....., ngày ..... tháng ..... năm 20....

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**

(Ký tên, đóng dấu)

CƠ QUAN CẤP TRÊN  
CƠ QUAN KIỂM TRA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIÊN BẢN**

**Kiểm tra điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản/  
sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản**  
Số:...../BB-ĐKSX

**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Căn cứ kiểm tra, ngày kiểm tra: .....
2. Tên cơ sở kiểm tra: .....
  - Địa chỉ: .....
  - Số điện thoại: ..... Số Fax: ..... Email: .....
  - Tên và số giấy đăng ký kinh doanh/giấy phép đầu tư/Quyết định thành lập: .....
- Tên cơ quan cấp: ..... Ngày cấp: .....
- Người đại diện của cơ sở: ..... Chức vụ: .....
- Giấy chứng nhận hệ thống phù hợp tiêu chuẩn: .....
3. Địa điểm kiểm tra:
  - Địa chỉ: .....
  - Điện thoại:..... Số Fax: ..... Email: .....
4. Thành phần Đoàn kiểm tra:
  - Ông/bà:..... Chức vụ: .....
  - Ông/bà:..... Chức vụ: .....
5. Sản phẩm sản xuất: .....



## II. NỘI DUNG KIỂM TRA

STT	Chỉ tiêu kiểm tra	Kết quả kiểm tra		Diễn giải kết quả kiểm tra; hành động khắc phục lỗi
		Đạt	Không đạt	
<b>I</b>	<b>KIỂM TRA LẦN ĐẦU HOẶC CÓ THAY ĐỔI ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT</b>			
1.	Địa điểm sản xuất nằm trong khu vực không bị ô nhiễm bởi chất thải nguy hại, hóa chất độc hại			
2.	Khu sản xuất có tường, rào ngăn cách với bên ngoài			
3.	Nhà xưởng, trang thiết bị phù hợp với từng loại sản phẩm			
a	Có nhà xưởng kết cấu vững chắc, nền không đọng nước, liên thông và một chiều từ nguyên liệu đến thành phẩm			
b	Tường, trần, vách ngăn, cửa bảo đảm yêu cầu về kiểm soát chất lượng, an toàn sinh học			
c	Khu chứa trang thiết bị, nguyên liệu vật liệu, thành phẩm bảo đảm không nhiễm chéo lẫn nhau và bảo đảm theo yêu cầu bảo quản của nhà sản xuất, cung cấp			
d	Trang thiết bị tiếp xúc với nguyên liệu, thành phẩm bảo đảm yêu cầu về kiểm soát chất lượng, an toàn sinh học			
đ	Thiết bị thu gom và xử lý chất thải không gây ô nhiễm môi trường khu vực sản xuất			
e	Trường hợp cơ sở sản xuất sinh khối vi sinh vật để sản xuất chế phẩm sinh học vi sinh vật phải có thiết bị tạo môi trường, lưu giữ và nuôi cấy vi sinh vật			

4	Có phòng thử nghiệm hoặc có thuê phòng thử nghiệm đủ năng lực để kiểm tra chất lượng trong quá trình sản xuất			
5	Xây dựng hệ thống kiểm soát chất lượng, an toàn sinh học			
a	Kiểm soát chất lượng nước phục vụ sản xuất			
b	Kiểm soát nguyên liệu			
c	Kiểm soát bao bì			
d	Kiểm soát thành phẩm			
đ	Kiểm soát quá trình sản xuất			
e	Kiểm soát tái chế			
g	Lưu mẫu thành phẩm			
h	Kiểm định, hiệu chuẩn, hiệu chỉnh thiết bị			
i	Kiểm soát động vật gây hại			
k	Vệ sinh nhà xưởng			
l	Thu gom và xử lý chất thải			
6	Nhân viên kỹ thuật được đào tạo về nuôi trồng thủy sản, bệnh học thủy sản, sinh học, hóa học hoặc công nghệ thực phẩm.			
<b>II</b>	<b>KIỂM TRA DUY TRÌ ĐIỀU KIỆN, NGOÀI CÁC CHỈ TIÊU TẠI MỤC I, PHẢI ĐÁNH GIÁ CÁC CHỈ TIÊU SAU</b>			
7	Áp dụng hệ thống kiểm soát chất lượng, an toàn sinh học trong quá trình sản xuất theo các nội dung tại Mục 5, I; ghi chép, lưu giữ hồ sơ trong quá trình sản xuất phục vụ truy xuất nguồn gốc			
8	Thực hiện công bố tiêu chuẩn áp dụng; công bố hợp quy theo quy định			
9	Thực hiện ghi nhãn hàng hóa theo quy định của pháp luật về ghi nhãn hàng hóa.			
10	Chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng sản phẩm do mình sản xuất; xử lý, thu hồi hoặc tiêu hủy sản phẩm không bảo đảm chất lượng theo quy định của pháp luật; bồi thường			

	thiệt hại gây ra cho người mua, người nuôi trồng thủy sản			
11	Gửi thông tin sản phẩm đến Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định trước khi lưu thông sản phẩm trên thị trường			
12	Chấp hành việc thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật			
<b>Số chỉ tiêu đánh giá thực tế</b>				
<b>Số chỉ tiêu đạt/không đạt</b>				

### III. LẤY MẪU

1. Thông tin về mẫu lấy (loại mẫu, số lượng mẫu; tình trạng bao gói, bảo quản mẫu,..)

.....

2. Chỉ định chỉ tiêu phân tích (Biên bản lấy mẫu kèm theo):

.....

### IV. Ý KIẾN CỦA ĐOÀN KIỂM TRA:

.....

### V. Ý KIẾN CỦA ĐẠI DIỆN CƠ SỞ:

.....

.....

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐƯỢC KIỂM TRA**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA**

(Ký, ghi rõ họ tên)

CƠ QUAN CẤP TRÊN  
CƠ QUAN CẤP GIẤY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT**  
**Thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản**  
Số: TSAABBBB<sup>(2)</sup>

Tên cơ sở: .....

Địa chỉ trụ sở: .....

Số điện thoại: ..... Số Fax: .....

Địa chỉ sản xuất: .....

Số điện thoại: ..... Số Fax: .....

**Được chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản,  
sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản đối với<sup>(1)</sup>:**

.....  
Hiệu lực Giấy chứng nhận đủ điều kiện: Không thời hạn

....., ngày .... tháng .... năm....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**Ghi chú:**

(1) Ghi rõ điều kiện sản xuất theo từng nhóm sản phẩm:

**Thức ăn thủy sản**

- Thức ăn hỗn hợp
- Thức ăn bổ sung (ghi cụ thể dạng sản phẩm)
- Nguyên liệu (ghi cụ thể nhóm, loại nguyên liệu)
- Sản phẩm khác: Atermia,...

**Sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản**

- Chế phẩm sinh học (ghi cụ thể dạng sản phẩm)
- Hóa chất xử lý môi trường (ghi cụ thể dạng sản phẩm)
- Hỗn hợp khoáng, vitamin, ... (ghi cụ thể dạng sản phẩm)
- Nguyên liệu (ghi cụ thể nhóm, loại nguyên liệu).

(2) Quy định cấp số Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản:

- Mỗi số chỉ cấp duy nhất cho một cơ sở và cấp liên tiếp, lần lượt.

- Trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất được thu hồi, số Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất không sử dụng để cấp cho cơ sở khác. Chỉ cấp lại cho cơ sở trước đó đã được cấp khi đủ điều kiện.

- Số Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất có cấu trúc như sau: TSAABBBB

+ “**TS**” thể hiện nhóm sản phẩm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản.

+ “**AA**” gồm 2 chữ số la tinh thể hiện mã của cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, cụ thể như sau:

++ Tổng cục Thủy sản có mã số **00**

++ Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có mã như sau:

<b>STT</b>	<b>Tên đơn vị hành chính</b>	<b>Mã số</b>	<b>STT</b>	<b>Tên đơn vị hành chính</b>	<b>Mã số</b>
1	Thành phố Hà Nội	<b>01</b>	33	Tỉnh Quảng Nam	<b>49</b>
2	Tỉnh Hà Giang	<b>02</b>	34	Tỉnh Quảng Ngãi	<b>51</b>
3	Tỉnh Cao Bằng	<b>04</b>	35	Tỉnh Bình Định	<b>52</b>
4	Tỉnh Bắc Kạn	<b>06</b>	36	Tỉnh Phú Yên	<b>54</b>
5	Tỉnh Tuyên Quang	<b>08</b>	37	Tỉnh Khánh Hoà	<b>56</b>
6	Tỉnh Lào Cai	<b>10</b>	38	Tỉnh Ninh Thuận	<b>58</b>
7	Tỉnh Điện Biên	<b>11</b>	39	Tỉnh Bình Thuận	<b>60</b>
8	Tỉnh Lai Châu	<b>12</b>	40	Tỉnh Kon Tum	<b>62</b>
9	Tỉnh Sơn La	<b>14</b>	41	Tỉnh Gia Lai	<b>64</b>
10	Tỉnh Yên Bái	<b>15</b>	42	Tỉnh Đắk Lắk	<b>66</b>
11	Tỉnh Hoà Bình	<b>17</b>	43	Tỉnh Đắk Nông	<b>67</b>
12	Tỉnh Thái Nguyên	<b>19</b>	44	Tỉnh Lâm Đồng	<b>68</b>
13	Tỉnh Lạng Sơn	<b>20</b>	45	Tỉnh Bình Phước	<b>70</b>
14	Tỉnh Quảng Ninh	<b>22</b>	46	Tỉnh Tây Ninh	<b>72</b>
15	Tỉnh Bắc Giang	<b>24</b>	47	Tỉnh Bình Dương	<b>74</b>
16	Tỉnh Phú Thọ	<b>25</b>	48	Tỉnh Đồng Nai	<b>75</b>
17	Tỉnh Vĩnh Phúc	<b>26</b>	49	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	<b>77</b>
18	Tỉnh Bắc Ninh	<b>27</b>	50	TP. Hồ Chí Minh	<b>79</b>
19	Tỉnh Hải Dương	<b>30</b>	51	Tỉnh Long An	<b>80</b>
20	Thành phố Hải Phòng	<b>31</b>	52	Tỉnh Tiền Giang	<b>82</b>
21	Tỉnh Hưng Yên	<b>33</b>	53	Tỉnh Bến Tre	<b>83</b>
22	Tỉnh Thái Bình	<b>34</b>	54	Tỉnh Trà Vinh	<b>84</b>
23	Tỉnh Hà Nam	<b>35</b>	55	Tỉnh Vĩnh Long	<b>86</b>
24	Tỉnh Nam Định	<b>36</b>	56	Tỉnh Đồng Tháp	<b>87</b>

25	Tỉnh Ninh Bình	<b>37</b>	57	Tỉnh An Giang	<b>89</b>
26	Tỉnh Thanh Hoá	<b>38</b>	58	Tỉnh Kiên Giang	<b>91</b>
27	Tỉnh Nghệ An	<b>40</b>	59	Thành phố cần Thơ	<b>92</b>
28	Tỉnh Hà Tĩnh	<b>42</b>	60	Tỉnh Hậu Giang	<b>93</b>
29	Tỉnh Quảng Bình	<b>44</b>	61	Tỉnh Sóc Trăng	<b>94</b>
30	Tỉnh Quảng Trị	<b>45</b>	62	Tỉnh Bạc Liêu	<b>95</b>
31	Tỉnh Thừa Thiên Huế	<b>46</b>	63	Tỉnh Cà Mau	<b>96</b>
32	Thành phố Đà Nẵng	<b>48</b>			

+ “**BBBB**” gồm 4 chữ số từ 0001 đến 9999, là số thứ tự cơ sở được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất.